| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU ĐỨC**<br>**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-02-2022
"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thanh Nga
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Ông Lê Ngọc Phi.

***-Thư ký phiên tòa***: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Số nhà 43, tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Số nhà 43, tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*(Bà M, ông N vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Trà M trình bày:* Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng gần 01 năm thì bà M và ông Nguyễn Quốc N mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, bà M và ông N sống chung với nhau từ năm 2008 nhưng không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 02-10-2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông N không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiếm cớ gây gổ, đánh đập bà M. Từ tháng 01-2021, bà M dẫn theo 02 người con chung ra ngoài mướn phòng trọ để sống. Đến khoảng tháng 3-2021, ông N đưa cháu Th về sống chung với ông N và gia đình bên nội. Trong thời gian ly thân thì ông N nhắn tin nếu bà M chấp nhận lỗi lầm của ông N thì trở về chung sống còn ông N không sửa đổi được. Nay, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà M xin được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Bà M, ông N có 02 người con chung là Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 28-02-2009 và Nguyễn Quốc Thành D, sinh ngày 23-9-2015. Trước đây, bà M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D còn cháu Th thì đồng ý để ông N được quyền nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian qua ông N thường xuyên vắng nhà, không quan tâm, chăm sóc cháu Th, hiện cháu Th đã trở về sống chung với bà M nên nay bà M có nguyện vọng xin được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Quốc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung cho bà M được quyền nuôi dưỡng; ông N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà M và ông N sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà M yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông N là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02-10-2009 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà M nguyên nhân mâu thuẫn do ông N không lo làm ăn, không quan tâm tới cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiếm cớ gây gổ, đánh đập bà M. Bà M và ông N cũng ly thân từ tháng 01-2021 cho đến nay. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà M, Tòa án đã triệu tập ông N để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông N vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa bà M và ông N là có thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà M được ly hôn với ông N.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét thấy, từ khi bà M và ông N ly thân thời gian đầu thì cháu Th sống chung với ông N còn cháu D do bà M trực tiếp nuôi dưỡng nhưng từ tháng 7-2021 thì cháu Th trở về sống với bà M. Hiện cháu Th đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng xin được sống với mẹ. Nay, bà M có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là phù hợp nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 người con chung cho bà M nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trà M và ông Nguyễn Quốc N.

2.Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Trà M và ông Nguyễn Quốc N có 02 người con chung là Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 28-02-2009 và Nguyễn Quốc Thành D, sinh ngày 23-9-2015;

Giao con chung Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 28-02-2009 và Nguyễn Quốc Thành D, sinh ngày 23-9-2015 cho bà Nguyễn Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Trà M không yêu cầu ông Nguyễn Quốc N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Quốc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trà M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0005177 ngày 12 tháng 3 năm 2021; bà Nguyễn Thị Trà M đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**